

Bản án số: 40/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 12/8/2024.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Hoàng Kiệt

Bà Hà Thị Lệ Thi

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Hải Đăng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 07/2024/TBMPT-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2/ *Bị đơn:* Anh Đào Hoàng T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- Ông Hồ Thanh P

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Mạnh C.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

- Ông Lê Hùng V

Địa chỉ Ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện vụ án hôn nhân đề ngày 22 tháng 02 năm 2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo N (sau đây gọi tắt là chị N) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Đào Hoàng T (sau đây gọi tắt là anh T) được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/9/2020. Chị N và anh T chung sống với nhau đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 người con chung tên Đào Kim N1, sinh ngày 18/01/2021, giới tính nữ, hiện con chung đang sống với chị N. Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản hoà giải ngày 27 tháng 5 năm 2024 Bị đơn anh Đào Hoàng Thời trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị N về quá trình kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa anh T đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 người con chung tên Đào Kim N1, sinh ngày 18/01/2021, giới tính nữ. Anh T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ hụi ông Hồ Thanh P số tiền 345.000.000 đồng; Nợ ông Nguyễn Mạnh C số tiền 22.000.000 đồng; Nợ ông Lê Hùng V số tiền 30.000.000 đồng. Anh T yêu cầu chia đôi số nợ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh P, ông Nguyễn Mạnh C và ông Lê Hùng V đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

4. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy khai sinh (bản sao), bản sao giấy chứng nhận kết hôn, biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị **N** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh **T**.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **N** ly hôn với anh **T**; Giao con chung cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung chị **N** và anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung ông **Hồ Thanh P**, ông **Lê Hùng V** và ông **Nguyễn Mạnh C** không có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị HĐXX không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: **Bị đơn anh Đ**; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Hồ Thanh P**, ông **Lê Hùng V** và ông **Nguyễn Mạnh C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng anh **T**, ông **P**, ông **C** và ông **V** vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh **T**, ông **P**, ông **V** và ông **C**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **N** và anh **T** được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 22/9/2020. Chị **N** và anh **T** chung sống với nhau được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay, anh **T** bạo hành đối với chị **N**, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, chị **N** cương quyết ly hôn với anh **T**, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị **N** yêu cầu ly hôn với anh **T** căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3] Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 người con chung tên **Đào Kim N1**, sinh ngày 18/01/2021, giới tính nữ, chị **N** yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, HĐXX nhận thấy, anh **T** hiện nay nghề nghiệp là tài xế chạy xe dịch vụ, trong khi con chung còn bé nhưng thời gian anh **T** trực tiếp chăm sóc con bị hạn chế, hiện nay con chung đang sống với chị **N**. Vì vậy, HĐXX giao con chung cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị **N** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con, HĐXX không xem xét.

Anh **T** có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị **N** và anh **T** xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Hồ Thanh P**, ông **Lê Hùng V** và ông **Nguyễn Mạnh C** không có yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003154, ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị **Nguyễn Thị Thảo N** được ly hôn với anh **Đào Hoàng Thới**.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Đào Kim N1**, sinh ngày 18/01/2021, giới tính nữ cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **T** có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông **Hồ Thanh P**, ông **Lê Hùng V** và ông **Nguyễn Mạnh C** không có yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thảo N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003154, ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng. Chị N đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận**

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Loan**